

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **19 – 01 - 2022**

V/v: *“Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quang Phúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Thơm, bà Nguyễn Thị Thắm

**- Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa:** Bà Quách Thị Khuyến – Thư ký tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Triệu Thị U**, sinh năm: 1979

HKTT: Q5/166A, ấp H, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: H3/033, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh **Đào Xuân Đ**, sinh năm: 1972

HKTT: Q5/166A, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Q5/165A, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**- Người làm chứng:** Chị **Đào Diễm Q**, sinh năm: 2002 và chị **Đào Minh N**, sinh năm: 2002; Cùng địa chỉ: H3/033, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P và anh Đ có mặt, chị Q và chị N vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Triệu Thị U** trình bày:

**- Về quan hệ hôn nhân:** Chị P quen biết anh Đ được hơn một năm thì vợ chồng tiến tới hôn nhân, vợ chồng về sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng đến ngày 09/11/2001 vợ chồng anh Đ Chị P mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T và được UBND xã Q, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị P, hôn nhân của chị là tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà ông bà nội tại nhà Q5/165A ấp Nguyễn Huệ 1, xã Q, đến khoảng năm 1998 vợ chồng có mua

đất và làm nhà riêng bên nhà ông nội vợ chồng sống đầm ấm. Hiện nay căn nhà này vợ chồng đã bán trả nợ, nhà đất hiện nay không còn.

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Đ không chịu lao động, hay ăn chơi đua đòi, cơ bạc, rượu chè và có biểu hiện không chung thủy, nhiều lần anh Đ đánh chị, có lần chốt cửa trong phòng đánh chị, nhiều lần anh Đ cầm dao đe dọa giết mẹ con chị (thực tế sao chị P khai vậy chứ không có gì chứng minh). Gần đây nhất anh Đ đã đốt quần áo của mẹ con chị, chị đã nộp các hình ảnh này cho Tòa án, chị có được hình ảnh này là do chị chụp được.

Từ những việc làm trên của anh Đ, mẹ con chị hiện nay không dám ở gần anh Đ, mẹ con chị đang đi ở nhà thuê.

Từ tháng 11/2020 đến nay vợ chồng không ở chung với nhau. Chị và các con thuê nhà trọ sinh sống. Có lần anh Đ xin chị tha thứ nhưng chị không chấp nhận vì những việc làm của anh làm chị rất hoang mang lo sợ, chị P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu ly hôn với anh Đ.

**Về con chung:** Chị P và anh Đ có 04 người con chung gồm các cháu Đào Bạch Tuyết Nhi, sinh ngày : 12/4/1998, Đào Minh N, sinh ngày : 03/7/2002, Đào Diễm Q, sinh ngày : 03/7/2002 và cháu Đào Triệu Giang P, sinh ngày : 24/8/2009. Hiện nay 04 con chung đang ở với chị P, cháu Đào Tuyết N, cháu Minh N, cháu Diễm Q đã đủ 18 tuổi ; cháu P mới 13 tuổi đang ở với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu P và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm công nhân may cho công ty tư nhân thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ tháng, thực tế thu nhập sao chị khai vậy chứ không có gì chứng minh.

**Về tài sản:** chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng. Nợ riêng không có.

*\* Tại các biên bản làm việc và tại phiên tòa bị đơn anh Đào Xuân Đ trình bày:*

**Về quan hệ hôn nhân :** Anh Đ yêu thương chị P được hơn một năm thì vợ chồng tiến tới hôn nhân, vợ chồng về sống chung với nhau từ năm 1995 nhưng đến ngày 09/11/2001 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, được UBND xã Q, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân của anh Đ lần thứ nhất, hôn nhân tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại nhà nội tại nhà Q5/165A ấp N, đến khoảng năm 1998 vợ chồng có mua đất và làm nhà riêng bên nhà ông nội vợ chồng sống đầm ấm.

Ngày 22 tháng 11 năm 2020 anh Đ đi làm về anh nói chị P lấy cơm cho anh nhưng chị P không lấy anh Đ có la nói chị P, thấy vậy chị bỏ sang nhà anh trai vợ, ngày hôm sau anh có đốt quần áo của vợ và của con. Thấy vậy chị P đã thu quần áo và đồ đạc đi thuê nhà mấy mẹ con ở với nhau, còn anh Đ về nhà nội ở. Từ tháng 11/2020 đến nay vợ chồng không ở chung với nhau. Vợ và con anh Đ thuê nhà trọ cách nhà nội anh khoảng mấy km, vợ con anh tự bỏ đi anh không có đuổi đi. Anh có quỳ xin vợ anh tha thứ cho anh nhưng vợ anh không chịu, cương quyết ly hôn. Theo anh Đ vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, anh rất thương yêu vợ con anh, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Theo anh Đ khai có người nói chị P có người đàn ông khác, tuy nhiên thực tế sao anh khai vậy anh không có gì chứng minh cho lời khai của anh.

Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn với chị P anh muốn chị P rút đơn vợ chồng về đoàn tụ gia đình để nuôi con.

**Về con chung :** Anh Đ và chị P chung sống có 04 con chung là các cháu Đào Bạch Tuyết N, sinh ngày : 12/4/1998, Đào Minh N, sinh ngày: 03/7/2002, Đào Diễm Q, sinh ngày : 03/7/2002 và cháu Đào Triệu Giang P, sinh ngày : 24/8/2009 là đúng, hiện nay 04 con chung đang ở với chị P, cháu Đào Tuyết N, cháu Minh N, cháu Diễm Q đã đủ 18 tuổi ; cháu P mới 13 tuổi đang ở với chị P.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P thì anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phi và tạm thời anh Đ không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay nghề nghiệp của anh Đ là buôn bán bất động sản, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), do nghề nghiệp tự do nên thực tế sao anh Đ khai như vậy chứ không có chứng cứ chứng minh.

**Về tài sản :** Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết

**Về nợ chung, nợ riêng :** Không có

*\* Theo biên bản xác minh ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp giữa chị P và anh Đ tại ban áp Nguyễn Huệ 1, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất thể hiện:*

Chị Triệu Thị U và anh Đào Xuân Đ kết hôn vào năm 2001 và sinh sống tại địa phương. Trong quá trình chung sống thì chị P và anh Đ thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, cãi vã nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Đ không lo làm ăn, quan tâm đến gia đình mà còn về nhà chửi bới vợ con, đập phá đồ đạc vợ con và thậm chí còn đuổi vợ con ra khỏi nhà. Vào năm 2020 do ông Đ nợ nần nhiều người nên chị P và anh Đ phải bán căn nhà chung của vợ chồng tại số nhà Q5/166A, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai và hiện nay hai vợ chồng đã thuê nhà trọ sống riêng. Mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh Đ đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng anh Đ còn có những lời lẽ xúc phạm bố mẹ chị P. Ngoài ra ban áp không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng gì khác.

*\* Theo biên bản xác minh ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, xác minh về con chung giữa chị P và anh Đ tại hội phụ nữ xã Quang Trung, huyện Thống Nhất thể hiện:* Chị P và anh Đ chung sống với nhau có 04 người con chung là các cháu Đào Bạch Tuyết N, sinh ngày : 12/4/1998, Đào Minh N, sinh ngày: 03/7/2002, Đào Diễm Q, sinh ngày : 03/7/2002 và cháu Đào Triệu Giang P, sinh ngày : 24/8/2009. Hiện nay cháu N, N, Q đã thành niên và có khả năng lao động còn cháu P hiện đang sống chung cùng chị P và được chị P chăm sóc ổn định về mọi mặt.

*\* Người làm chứng chị Đào Minh N và Đào Diễm Q trình bày:* Chị N và chị Q là con ruột của bà Triệu Thị U và ông Đào Xuân Đ. Trong quá trình bà P và ông Đ sống chung với nhau thì bà P và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do ba chị N và chị là ông Đào Xuân Đ không lo làm ăn lo cho gia đình mà thường đi ăn nhậu về nhà chửi bới, đánh đập bà P và các con, thậm chí còn đốt phá đồ đạc trong gia đình. Rất nhiều lần bà P cho cơ hội thay đổi và các con trong gia đình cũng đã khuyên can ông Đ nhưng ông Đ vẫn không thay đổi tính tình dẫn đến mâu thuẫn của bà P và ông Đ ngày càng trầm trọng.

Từ tháng 11 năm 2020 sau sự việc là em trai của chị N, chị Q là em P gác chân lên người của bà P, ông Đ thấy vậy hất chân của em P xuống, bà P và ông Đ xảy ra mâu thuẫn và lấy dao đòi giết cả nhà nên bà P bỏ sang nhà bà ngoại ở, ông Đ ở nhà đốt bỏ hết quần áo của gia đình, từ đó bà P và ông Đ không sống chung nhà với nhau nữa.

Về các con chung: Bà P và ông Đ có 04 người con chung gồm các cháu Đào Bạch Tuyết N, sinh ngày : 12/4/1998, Đào Minh N, sinh ngày : 03/7/2002, Đào Diễm Q, sinh ngày : 03/7/2002 và cháu Đào Triệu Giang P, sinh ngày : 24/8/2009. Hiện nay chị Minh N, Tuyết N đã lấy chồng và ra sống riêng còn cháu Diễm Q và cháu P đang ở với bà P và được bà P chăm sóc ổn định.

*\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa:*

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị U. Về con chung giao là cháu Đào Triệu Giang P, sinh ngày: 24/8/2009 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm thời anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu N, N và Q đã thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng : Nguyên đơn bà Triệu Thị U khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Đào Xuân Đ có nơi cư trú tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ tranh chấp trong vụ án:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: bà Triệu Thị U và ông Đào Xuân Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký và được UBND xã Q, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/11/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông Đ là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống, bà P và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra theo bà P và ông Đ thừa nhận do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Theo bà P thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông Đ không chịu lao động, hay ăn chơi đua đòi, cờ bạc, rượu chè và có biểu hiện không chung thủy, có lần còn đánh bà P và đe dọa giết mẹ con bà, đốt quần áo chị P và các con. Theo ông Đ thừa nhận vợ chồng khi xảy ra mâu thuẫn vào ngày 22/11/2020 ông có đốt quần áo của vợ con và vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay.

Theo bà P và ông Đ thống nhất lời khai từ tháng 11 năm 2020 đến nay vợ chồng không ở chung nhà với nhau, vợ chồng hiện đã bán nhà và thuê nhà trọ sống riêng, ông Đ mong muốn vợ chồng về sống chung để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà P không đồng ý, kể từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau, không thực hiện quyền, nghĩa vụ chung vợ chồng, việc ai nấy làm. Ông Đ xác định vẫn còn tình cảm với bà P nên ông không đồng ý ly hôn với bà P.

Hội đồng xét xử nhận thấy: trong cuộc sống gia đình bà P và ông Đ đã thiếu sự yêu thương, quan tâm và tôn trọng lẫn nhau nên vợ chồng đã xảy ra cãi vã, mâu thuẫn.

Mâu thuẫn kéo dài đã làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng nên ông, bà đã phải sống ly thân, nhiều lần ông, bà đã nói chuyện, hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Cho thấy hôn nhân giữa bà P và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P, cho bà P và ông Đ được ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà P và ông Đ có 04 người con chung gồm các cháu Đào Bạch Tuyết N, sinh ngày : 12/4/1998, Đào Minh N, sinh ngày : 03/7/2002, Đào Diễm Q, sinh ngày : 03/7/2002 và cháu Đào Triệu Giang P, sinh ngày : 24/8/2009. Khi ly hôn bà P và ông Đ đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đào Triệu Giang P. Đối với cháu N, N, Q đã thành niên và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Phi đang sống chung với bà P và được bà P chăm sóc ổn định về mọi mặt nên cần tiếp tục giao cháu Phi cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Phi. Xét yêu cầu của ông Đ xin trực tiếp nuôi con là không có cơ sở chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật. Nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc nuôi con chung, giao cháu Đào Triệu Giang P cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà P và ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà P và ông Đ trình bày không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung của bà Triệu Thị U.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Triệu Thị U và ông Đào Xuân Đ.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cho bà Triệu Thị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đào Triệu Giang P, sinh ngày: 24/8/2009. Tạm thời ông Đào Xuân Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đào Bạch Tuyết Nhi, Đào Minh N, Đào Diễm Q đã thành niên và có khả năng lao động.

Ông Đào Xuân Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí:** Bà P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006576 ngày 18/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai; Bà P đã nộp đủ án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bà P và ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận :**

- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H. T;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND xã Q, h T,
- Tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Đặng Quang Phúc**